

KIM CƯƠNG GIỚI MAN ĐA LA

Phẩm V

CÚNG DƯỜNG HỘI

PŪJA-MANḌALA



Biên soạn: HUYỀN THANH

Bản cập nhật tháng 11/2014

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

CÚNG DƯỜNG HỘI (Pūja)

Cúng Dường Hội là Hội thứ tư trong 9 Hội của Hiện Đồ Kim Cương Giới Man Đa La, có vị trí ở phương Nam của Hiện Đồ Man Đa La. Trong 4 loại Man Đa La là **Yết Ma Man Đa La** (Karma-maṇḍala).

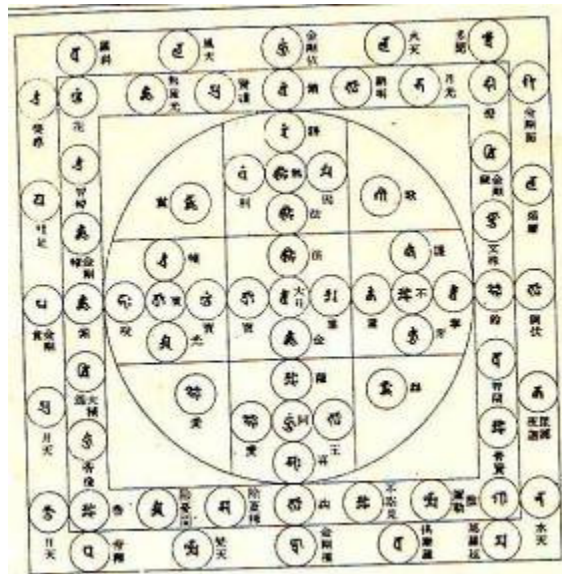
Hội này lại xưng là: Nhất Thiết Như Lai Quảng Đại Cúng Dường Yết Ma Man Đa La, Quảng Đại Cúng Dường Man Đa La, Kim Cương Sự Nghiệp Man Đa La.

Hội này là Nghi Tướng **trợ nhau cúng dường** của Thành Thân Hội, chủ yếu chia làm 4 loại cúng dường: Tâm Bồ Đề, Quán Đỉnh, Pháp và Sự Nghiệp. Các Tôn trong Hội dâng cúng phẩm vật cho 5 vị Phật, mỗi vật tượng trưng cho những đặc nguyện và mỗi đặc nguyện tượng trưng cho những phương cách đặc biệt để giác ngộ hữu tình.

Hội này biểu thị cho việc khiến Hành Giả thể hiện các Tôn trong Hội mà y theo điều này để tu chứng.

Do các Tôn trong Hội trợ nhau hiện Nghi Cúng Dường, cho nên hình tượng các Tôn, trừ 5 vị Phật ra thì 16 vị Bồ Tát, 4 vị Nhiếp Bồ Tát, 8 vị Cúng Dường Bồ Tát đều dùng tay trái nắm quyền, tay phải cầm hoa sen, trên hoa an trí hình Tam Muội Gia. Tổng cộng có 73 Tôn như đồ hình sau:





Chính giữa Hội là Vòng Kim Cương lớn gồm năm vòng Giải Thoát đại diện cho năm vị trí của 5 vị Phật là **Đại Nhật** (Vairocana), **A Súc Phật** (Akṣobhya), **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus), **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi) được được bao bởi ba hình vuông và giới hạn trong hình vuông thứ nhất.

_ Vòng tròn chính giữa là vị trí của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana) (𑖀𑖃𑖫𑖅)

Chung quanh là bốn vị Ba La Mật Bồ Tát (Pāramitā-bodhisatva) gồm có:

Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪)

Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖫)

Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖬)

Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖭)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Đông là vị thế của **A Súc Như Lai** (Akṣobhya) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖮)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖯)

Kim Cương Vương (Vajra-rāja) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖰)

Kim Cương Ái (Vajra-rāga) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖱)

Kim Cương Hỷ (Vajra-sādhu) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖲)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Nam là vị thế của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖳)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Bảo (Vajra-ratna) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖴)

Kim Cương Quang (Vajra-Teja) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖵)

Kim Cương Tràng (Vajra-ketu) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖶)

Kim Cương Tiêu (Vajra-hāsa) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖷)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Tây là vị thế của **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖸)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Pháp (Vajra-dharma) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖹)

Kim Cương Lợi (Vajra-tiḥṣṇa) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖺)

Kim Cương Nhân (Vajra-hetu) (𑖀)

Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa) (𑖁)

_Vòng Giải Thoát ở phương Bắc là vị thế của **Bát Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi) (𑖂)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma) (𑖃)

Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa) (𑖄)

Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa) (𑖅)

Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi) (𑖆)

Giữa bốn vòng Giải Thoát là bốn vị Kim Cương Nữ (Vajrī) là:

Kim Cương Hý (Vajra-lāsī) (𑖇)

Kim Cương Man (Vajra-mālā) (𑖈)

Kim Cương Ca (Vajra-gītā) (𑖉)

Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye) (𑖊).

_ Trong hình vuông thứ hai gồm có 4 Ngoại Cúng Đường, 4 Nhiếp, 16 Bồ Tát đời Hiền Kiếp

Ở bốn góc của hình vuông có 4 vị Kim Cương Nữ là:

Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhūpa) (𑖋)

Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa) (𑖌)

Kim Cương Đẳng (Vajra-Āloka) (𑖍)

Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha) (𑖎)

Giữa 4 vị Nữ Cúng Đường là :

.) Phương Đông có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Trừ Ưu Âm Bồ Tát (𑖏)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (𑖐)

Kim Cương Câu (Vajra-aṃkuśa) (𑖑)

Bát Không Kiến Bồ Tát (𑖒)

Di Lạc Bồ Tát (𑖓)

.) Phương Nam có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Trí Tràng Bồ Tát (𑖔)

Kim Cương Tràng Bồ Tát (𑖕)

Kim Cương Sách (Vajra-pāśa) (𑖖)

Đại Tinh Tiến Bồ Tát (𑖗)

Hương Tượng Bồ Tát (𑖘)

.) Phương Tây có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Vô Lượng Quang Bồ Tát (𑖙)

Hiền Hộ Bồ Tát (𑖚)

Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa) (𑖛)

Võng Minh Bồ Tát (𑖜)

Nguyệt Quang Bồ Tát (𑖝)

.) Phương Bắc có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Kim Cương Tạng Bồ Tát (𑖞)

Văn Thù (𑖟) (?Vô Tận Ý Bồ Tát)

Kim Cương Linh (Vajrāveśa) (𑖅𑖟𑖞)
Trí Tích Bồ Tát (𑖅𑖟) (?Vấn Thù Bồ Tát)
Phổ Hiền Bồ Tát (𑖅𑖟𑖞)

_ Trong hình vuông thứ ba là 20 vị Hộ Pháp (Dharma-pāla) được xếp loại trong 5 cõi Trời tại bốn phương như sau:

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

Đế Thích (Śakra) (𑖅𑖟)

Phạm Thiên (Brahma) (𑖅𑖟)

Kim Cương Tội (Vajra-vikiraṇa) (𑖅𑖟)

Câu Ma La (Kumāra) (𑖅𑖟)

Na La Diên (Nārāyaṇa) (𑖅𑖟)

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

Huỳnh Hoặc (Piṅgala) (𑖅𑖟)

Tuệ Tinh (Ketu) (𑖅𑖟)

Kim Cương Thực (Vajra-bhakṣam) (𑖅𑖟)

Nguyệt Thiên (Candra) (𑖅𑖟)

Nhật Thiên (Āditya) (𑖅𑖟)

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

La Sát (Rākṣasa) (𑖅𑖟)

Phong Thiên (Vāyu) (𑖅𑖟)

Kim Cương Y (Vajra-vaśi) (𑖅𑖟)

Hỏa Thiên (Agni) (𑖅𑖟)

Đa Văn (Vaiśravaṇa) (𑖅𑖟)

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

Kim Cương Diện (Vajra-mukha) (𑖅𑖟)

Diêm Ma (Yama) (𑖅𑖟)

Điều Phục (Vajra-jaya) (𑖅𑖟)

Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) (𑖅𑖟)

Thủy Thiên (Varuṇa) (𑖅𑖟)

1_ Đại Nhật Như Lai (Vairocana):

Chữ chủng tử là: VAM (𑖅𑖟)

Tôn Hình: Hiện hình Như Lai.



Tam Muội Gia Hình là : Suất Đồ Bà (Stūpa: cái tháp)



Tướng Ấn là: Trí Quyền Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत वज्रधतु वरुण मय ॐ
OM_ SARVA TATHĀGATĀ VAJRA-DHĀTU ANUTTARA-PŪJA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

2_ Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen bên trên có chày Ngũ Cổ, ngồi trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व वज्र ॐ
OM_ SATVA-VAJRĪ HŪM

3_ Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖦𑖅)

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu.



Tượng Ấn là: Mãn Nguyên Ấn



Chân Ngôn là:

𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅

OM_ RATNA-VAJRĪ TRĀḤ

4_ Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖦𑖅)

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen, bên trên hoa có chày Độc Cổ bên trên chày có hoa sen chưa nở.



Tượng Ấn là: Di Đà Định Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅 𑖦𑖅

OM_ DHARMA-VAJRĪ HRĪḤ

5_ Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: A (𑖦𑖅) hay AḤ (𑖦𑖅)

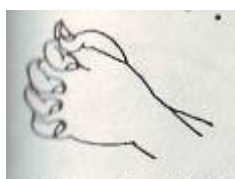
7_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Chữ chủng tử là: AH (ॐ) hay ĀH (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen trên hoa có chày Độc Cổ, bên trên chày có hoa sen chưa nở.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc Quyền để ngang ngực.



Chân Ngôn là:

ॐ स र्व त त्थ ग त स र्व अ त्म नि र य त न ा पू ज ा

OM SARVA TATHĀGATA SARVA ĀTMA NIRYATANA PŪJA
SPHARAṆA KARMA VAJRI ĀH

8_ Kim Cương Vương (Vajra-rāja):

Chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen bên trên có hai móc câu Kim Cương dựng đứng.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, để ở bên hông phải.



Chân Ngôn là:

ॐ स र्व त त्थ ग त स र्व अ त्म नि र य त न ा पू ज ा

OM SARVA TATHĀGATA SARVA ĀTMA NIRYĀTANA PŪJA
SPHARAṆA KARMA AGRI JAḤ

9_ Kim Cương Ái (Vajra-rāga):

Chữ chủng tử là: HOH (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen bên trên có hai chày Kim Cương dựng đứng.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc quyền đở ở hông trái.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत सर्व अत्म निर्याताना
OM SARVA TATHĀGATĀ SARVA ĀTMA NIRYĀTANA
ANURAGANA PŪJA SPHARAṆA KARMA VĀNA HŪM HOH

10_ Kim Cương Hỷ (Vajra-sādhū):

Chữ chủng tử là: SAH (ॐ).

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc Quyền đở sau eo



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत सर्व अत्म निर्यातन सर्व पुजा स्फारणा कर्म तुष्टि सह
 OM SARVA TATHĀGATA SARVA ĀTMA NIRYĀTANA SĀDHU-
 KĀRA PŪJA SPHARAṆA KARMA TUṢṬI SAH

11_ Bảo Sinh Như Lai (Ratna-saṃbhava):

Chữ chung tử là: TRĀH (𑖦𑖅)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Dữ Nguyên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत वज्र रत्न पुजा स्फारणा समये हूं
 OM SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ANUTTARA-PŪJA
 SPHARAṆA SAMAYE HŪM

12_ Kim Cương Bảo (Vajra-ratna):

Chữ chung tử là: OM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen, bên trên có Tam Biện Bảo Châu tỏa lửa sáng.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc Quyền, để ở trên trán.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः सर्व तथगतभिक्षेका रत्नेभ्यो वज्रमणि ॐ
 OM NAMAH SARVA TATHĀGATĀBHIṢEKA RATNEBHYO VAJRA-
 MAṆI OM

13_ Kim Cương Quang (Vajra-Teja):

Chữ chú ngữ là: AM (ॐ) hay HRĪḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen, bên trên có vành mặt trời rực lửa sáng.



Tượng Ấn là: Đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः सर्व तथगता सुर्येभ्यो वज्रगर्भे ज्वाले ॐ
 OM NAMAH SARVA TATHĀGATA SŪRYEBHYO VAJRA-TEJINI
 JVALA HRĪḤ

14_ Kim Cương Tràng (Vajra-ketu):

Chữ chú ngữ là: TRAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây phướn báu Như Ý.



Tượng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, để ở trên đỉnh đầu, giương duỗi hai cánh tay.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः सर्व तथगत संपरिपुराण स्रमण वक्रयुक्त वक्रवक्रयुक्त
 OM NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀ ŚĀPARIPŪRAṆA CINTĀ-MANĪ
 DHVAJA-AGREBHYO VAJRA-DHVAJA-AGRI TRAM

15_ Kim Cương Tiêu (Vajra-hāsa):

Chữ chủng tử là: HAḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có đẽ chày Tam Cỗ.



Tượng Ấn là: Dùng Kim Cương Phộc an chỗ lúm đồng tiền bên trái miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः सर्व तथगत महेश्वर प्रमोद कर्तु वक्रहस क
 OM NAMAḤ SARVA TATHĀGATA MAHĀ-PRĪTI PRAMODYA
 KAREBHYO VAJRA-HĀSE HAḤ

16_ Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Di Đà Định Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत वज्रधर्मव्रतं पूज्यं सुप्रसन्नं समये ॐ
 OM SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHARMA ANUTTARA-PŪJA
 SPHARAṆA SAMAYE HŪM

17_ Kim Cương Pháp (Vajra-dharma):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Độc Cổ, đầu chày có hoa sen.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc để trên miệng.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत वज्रधर्म समयेः सुप्रसन्नं वज्रधर्म ॐ
 OM SARVA TATHĀGATA VAJRA DHARMATĀ SAMĀDHIBHIḤ
 STUNOMĪ MAHĀ-DHARMA-AGRI HRĪḤ

18_ Kim Cương Lợi (Vajra-tīkṣṇa):

Chữ chủng tử là: DHAM (ॐ)

Tôn hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây kiếm.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, để bên cạnh lỗ tai phải.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत प्रज्ञपरमितामिह धमः
 OM SARVA TATHĀGATA PRAJÑĀ-PĀRAMITĀBHIH NIRHO
 STUNOMĪ MAHĀ-GHOṢĀNUGE DHAM

19_ Kim Cương Nhân (Vajra-hetu):
 Chữ chủng tử là: MAM (𑖓𑖥) hay HŪM (𑖦𑖥)
 Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có bánh xe Pháp.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, để cạnh lỗ tai trái.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत चक्रक्षर परिवर्तन सर्व सुगत नमः सुगमि सर्व
 मणिवह
 OM SARVA TATHĀGATA CAKRA-AKṢARA PARIVARTTANA
 SARVA SŪTRĀNTA NAYAIH STUNOMI SARVA MAṆḌALA HŪM

20_ Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa):
 Chữ chủng tử là: RAM (𑖗𑖥) hay CAH (𑖘𑖥)
 Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen bên trên có cái lưới của Như Lai, trong cái lưới có chày Tam Cổ.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc để phía sau cái đầu.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत समध वृद्ध क्षणीकः गदं सुगम वक्रवश वः
OM SARVA TATHĀGATA SAMDHĀ BHĀṢA BUDDHA KṢAM-
GĪTIBHIḤ GADAM STUNOMI VAJRA-VĀCE CAḤ

21_ Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi):

Chữ chủng tử là: AH (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Quyền trái để ở rón, tay phải duỗi thẳng 4 ngón, hướng ngón cái vào trong lòng bàn tay rồi hơi co lại.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत वक्रकर्मवृद्ध पुरा सुगम समथ हूं
OM SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA ANUTTARA-PŪJA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

22_ Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma):

Chữ chủng tử là: KAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Yết Ma.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc Quyền để ở đỉnh đầu.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत धूपमेघसमुद्रस्फारणकराः

OM SARVA TATHĀGATA DHŪPA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME-KARA KARAH

23_ Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa):

Chữ chung tử là: HAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên hoa sen có chày Tam Cổ của Giáp Trụ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc đề trên vai phải.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत पुष्पप्रसारस्फारणकराः

OM SARVA TATHĀGATA PUṢPA PRASARA SPHARAṆA PŪJA KARME-KIRI KIRIH

24_ Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa):

Chữ chung tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có hai nhánh của chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc đề trên bắp đùi phải



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत तथगत अलोकज्वाल स्फारण पुजा कर्मभरा भराह

OM_ SARVA TATHĀGATA ĀLOKA-JVALA SPHARAṆA PŪJA KARME-BHARA BHARAḤ

25_ Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi):

Chữ chủng tử là: VAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có hai Quyền Kim Cương.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc để ngang ngược.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत तथगत अलोकज्वाल स्फारण पुजा कर्मकुरु कुरुह

OM_ SARVA TATHĀGATA GANDHA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME-KURU KURUḤ

26_ Kim Cương Hý (Vajra-lāsī):

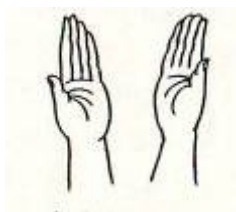
Chữ chủng tử là: HOH (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền đê eo, hướng về bên trái hơi cúi đầu

Tượng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Chưởng, cùng hợp cạnh bên, từ rốn đến miệng rồi bung



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत त्रय त्रयगत वज्र मय समुद्र मृग मय ह्र
OM_ SARVA TATHĀGATA CITTA NIRYĀTANA PŪJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

29_ Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye):

Chữ chủng tử là: KRṬ (𑖕).

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu.



Tượng Ấn là: Hai chưởng để trên trái tim, xoay mùa hông bên trái, hông bên phải ba lần. Tiếp kết Kim Cương Hợp Chưởng bung tán trên đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत त्रय त्रयगत वज्र मय समुद्र मृग मय ह्र
OM_ SARVA TATHĀGATA KĀYA NIRYĀTANA PŪJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

30_ Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhūpa):

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖐).

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có lò hương.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyên cùng kèm song song, hướng xuống dưới bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत धुप पूजा मघ मसुत सु।म समथ हू

OM SARVA TATHĀGATA DHŪPA PŪJA MEGHA SAMUDRA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

31_ Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa):

Chữ chung tử là: OM (ॐ)

Tôn Hình: Màu vàng lợt, hai tay cầm hoa sen, bên trên có cái mâm hoa chứa đầy hoa nở.



Tướng Ấn là: Hai tay kết Kim Cương Quyên, ngửa lên trên hướng đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत धुप पूजा मघ मसुत सु।म समथ हू

OM SARVA TATHĀGATA PUṢPA PŪJA MEGHA SAMUDRA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

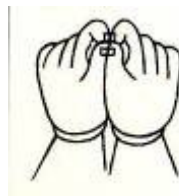
32_ Kim Cương Đẳng (Vajra-Āloka):

Chữ chủng tử là: DĪ (ॠ)

Tôn Hình: Hai tay cầm đèn sáng.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, dựng thẳng hai ngón cái kèm song song, cong gập ngón trỏ cùng phụ nhau, để ngang trái tim.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्वं तथगतं दीप पूजा मय मयसुखं सु। म समथं ॐ

OM SARVA TATHĀGATA DĪPA PŪJA MEGHA SAMUDRA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

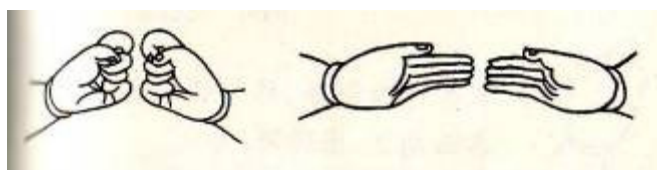
33_ Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha):

Chữ chủng tử là: GAḤ (ॡ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có vật khí đựng hương xoa bôi.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, mở lòng bàn tay xoa bôi ngực.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व तथगत गन्ध पूजा मेघ समुद्र
 OM SARVA TATHĀGATA GANDHA PŪJA MEGHA SAMUDRA
 SPHARAṆA SAMAYE HŪM

34_ Trừ Ưu Âm Bồ Tát (Śokatamo-nirghatana):

Chữ chủng tử là: AM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài hoa sen, bên trên có cành cây.



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व शोक गन्ध पूजा मेघ समुद्र
 OM SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTA MATAYE SVĀHĀ AM

35_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nivaraṇa-viṣkaṃbhin):

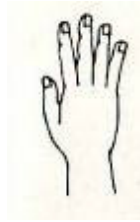
[Bản khác ghi là Diệt Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apāya-jaha)]

Chữ chủng tử là: SA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có rương Kinh Phạn.



Tượng Ấn là: Tay phải duỗi 5 ngón tay nâng lên trên, tay trái nắm quyền để ở eo



Chân Ngôn là:

ॐ सर्वथा ज्ञाय स्वहा स

OM _ SARVA APĀYA-JAHĀYA SVĀHĀ _ SA

36_ Kim Cương Câu (Vajra-amkuśa):

Chữ chung tử là: JAḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có móc câu Tam Cổ.



Tượng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn, hai ngón trỏ đều co như móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश ॐ

OM _ VAJRA-AMKUŚA JAḤ

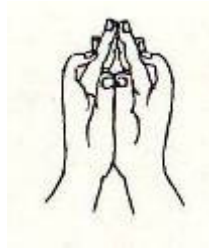
37_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśin):

Chữ chung tử là: AḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài hoa sen, bên trên có chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt.



Tượng Ấn là: Phật Nhãn Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ अमोघदर्शनाय स्वाहा ॐ

OM _ AMOGHA-DARŚANĀYA SVĀHĀ _ AH

38_ Di Lạc Bồ Tát (Maitreya):

Chữ chung tử là: MAI (𑖓)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài hoa sen, bên trên có bình Quân Trì.



Tượng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, hai móng ngón trỏ cùng hợp nhau, hai ngón cái đè mặt bên cạnh ngón trỏ



Chân Ngôn là:

ॐ मीरायै स्वाहा ॐ

OM _ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ MAI

39_ Trí Tràng Bồ Tát (Jñāna-ketu):

Chữ chung tử là: TRAM (𑖓)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có phan phương Như Ý.



Tượng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ न क तु वे स्व ा ह ॐ

OM_ JÑĀNA-KETUVE SVĀHĀ_ TRAM

40_ Kim Cương Tràng Bò Tát Tát (Vajra-ketu):

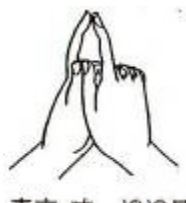
[Bản khác ghi là Hư Không Tạng Bồ Tát (Gagana-gaṅja: Hư Không Khô)]

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý.



Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, hai ngón trở cùng vịn nhau như hình bấu, hai ngón cái kèm song song nhau



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ न क तु वे स्व ा ह ॐ

OM_ GAGANA-GAÑJĀYA SVĀHĀ_ HŪM

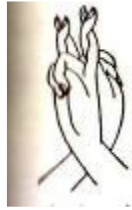
41_ Kim Cương Sách (Vajra-pāsa):

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có sợi dây Ròng.



Tượng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út cùng móc nhau, hai đầu ngón cùng trụ nhau như sợi dây



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपाशा हूं

OM_VAJRA-PĀŚA HŪM

42_ Đại Tinh Tiến Bồ Tát (Śūra hay Śūraṃgama):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cây kích Độc Cổ.



Tượng Ấn là: Tay phải nắm quyền, dựng đứng ngón cái nâng lên ngang đầu



Chân Ngôn là:

ॐ सुराय स्वहा वि

OM_ŚŪRĀYA SVĀHĀ_VI

43_ Hương Tượng Bồ Tát (Gandha-hāstin):

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cái bát.



Tượng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ गन्धदक्षिण स्वहा हूं

OM_GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_HŪM

44_ Vô Lượng Quang Bồ Tát (Amita-prabha):

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm Hoa sen tỏa sáng (Quang Minh Liên Hoa).



Tượng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ प्रियवसु स्वहा हूं

OM_AMITA-PRABHA SVĀHĀ_HŪM

45_ Hiền Hộ Bồ Tát Tát (Bhadra-pāla):

Chữ chủng tử là: PRA (५)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cái Hiền Bình.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm Kim Cương Quyền , ngón cái như Hiền Bình, quyền trái để ở eo.



Chân Ngôn là:

ॐ हृन्पल्य सूद ध

OM_BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ_PRA

46_ Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa):

Chữ chung tử là: VAM (वं)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có khóa xích Kim Cương.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hai ngón út và hai ngón trỏ cùng móc nhau như hình móc xích.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रसू वं

OM_VAJRA-SPHOṬA VAM

47_ Võng Minh Bồ Tát (Jālinī-prabha):

[Bản khác ghi là Quang Võng Bồ Tát]

Chữ chung tử là: JAḤ (ज्ञं)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có lưới võng.



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ऋणि प्रस्य सुन ऋ

OM_ JĀLINĪ-PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

48_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Chữ chủng tử là: BHA (𑖧)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có nửa vành trăng.



Tướng Ấn là: Tay phải tác Thanh Liên Hoa Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ब्रह्म प्रस्य सुन ऋ

OM_ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ BHA

49_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha):

Chữ chủng tử là: VI (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có 4 cái chày Độc Cổ xếp thành hình vuông.



Tượng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र गण्डय सदा ॐ

OM_VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ_VI

50_ Văn Thù (Mañjuśrī) :

[Bản khác ghi là Vô Tận Ý Bồ Tát (Akṣaya-mati)]

Chữ chủng tử là: JÑA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn.



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ गण्डय मगय सदा ॐ

OM_AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ_JÑA

51_ Kim Cương Linh (Vajra-aveśa):

Chữ chủng tử là: HOḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cái chuông Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út, hai ngón trỏ cùng móc nhau, cổ tay hơi cách nhau



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र अविः

OM_VAJRA-AVIŚA HOḤ

52_ Trí Tích Bồ Tát (Pratibhāna-kuṭa):

[Bản khác ghi là Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) hay Biện Tích Bồ Tát]

Chữ chung tử là: VA (३)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có đám mây.



Tướng Ấn là: Bát Ấn, tương ở ngón giữa có đám mây ngũ sắc



Chân Ngôn là:

ॐ ध्रुवकुटाय स्वहा व

OM_PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ_VA

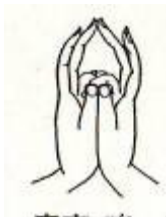
53_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra):

Chữ chung tử là: AḤ (३)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm.



Tượng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ समन्तभद्राय स्वहा ॐ

OM_SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ_AH

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

54_Đế Thích Thiên (Śakra):

Chữ chủng tử là: DHA (८)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयुद्धाय स्वहा

OM_VAJRA-YUDHA SVĀHĀ

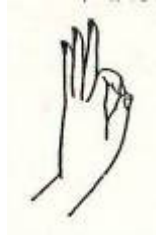
55_Phạm Thiên (Brahma):

Chữ chủng tử là: MAI (३)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमौनं स्वहा

OM_VAJRA-MAUNA SVĀHĀ

56_ Kim Cương Tội Thiên (Vajra-vikiraṇa):

Chữ chủng tử là: NḌA (𑖇)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्यं स्वहा

OM_VAJRA-GŪḐHA SVĀHĀ

57_ Câu Ma La Thiên (Kumāra):

Chữ chủng tử là: VA (𑖘)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Quyền trái đẽ eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रचक्र मूढ

OM_VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ

58_ Na La Diên (Nārāyaṇa):

Chữ chung tử là: MA (म)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Tay trái nắm quyền đẽ ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र मूढ

OM_BALA-VAJRA SVĀHĀ

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

59_ Huỳnh Hoặc Thiên (Piṅgala):

Chữ chung tử là: TRAM (त्र)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tương phóng ánh sáng lửa



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गलं स्वहा

OM_VAJRA-PINGALA SVĀHĀ

60_ Tuệ Tinh Thiên (Ketu):

Chữ chung tử là: YA (य)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसलं स्वहा

OM_VAJRA-MUSALA SVĀHĀ

61_ Kim Cương Thực Thiên (Vajra-bhakṣam):

Chữ chung tử là: PA (प)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, đưa từ rốn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा

OM_VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

62_ Nguyệt Thiên (Candra):

Chữ chủng tử là: PRA (𑖫)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभा स्वहा

OM_VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

63_ Nhật Thiên (Āditya):

Chữ chủng tử là: KU (𑖬)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलिं स्वहा

OM_VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

64_ La Sát Thiên (Rākṣasa):

Chữ chủng tử là: VA (ॠ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái tác Dao Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्डं स्वहा

OM_VAJRA-DANḌA SVĀHĀ

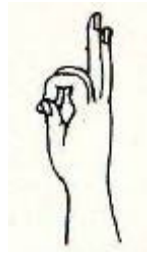
65_ Phong Thiên (Vāyu):

Chữ chủng tử là: LA (ॡ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं वासुदेवाय नमः

OM_VAJRĀNILA SVĀHĀ

66_ Kim Cương Y Thiên (Vajra-vaśi):

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lông giữa của ngón giữa trái như mũi tên



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं वासुदेवाय नमः

OM_VAJRA-VAŚI SVĀHĀ

67_ Hỏa Thiên (Agni):

Chữ chủng tử là: LA (ॐ)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây gậy, tay phải cầm viên ngọc.



Tượng Ấn là: Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, co ngón cái vào tâm lòng bàn tay, ngón trỏ tác câu triệu, ngang vai phải. Tay trái đem ngón giữa, ngón cái chụm lại thành dạng Tam Giác, kèm duỗi ba ngón còn lại, mặt ấn ngửa lên lên ngang trái tim .



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रानला स्वहा

OM_VAJRA-ANALA SVĀHĀ

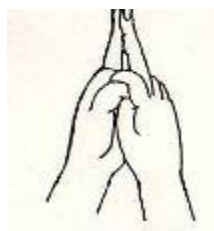
68_ Đa Văn Thiên (Vaiśravaṇa):

Chữ chủng tử là: VAI (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tượng Ấn là: Phô Thông Căn Bản Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं भैरव स्वहा

OM_VAJRA-BHAIRAVA SVĀHĀ

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

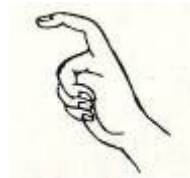
69_ Kim Cương Điện Thiên (Vajra-mukha):

Chữ chủng tử là: ŚA (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay cầm móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trở như hình móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश स्वहा

OM_VAJRĀṆKUŚĀ SVĀHĀ

70_ Diêm Ma Thiên (Yama):

Chữ chủng tử là: LA (𑖫)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Đàn Noa Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकाल स्वहा

OM_VAJRA-KĀLA SVĀHĀ

71_ Điều Phục Thiên (Vajra-jaya):

Chữ chủng tử là: JAH (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội. Tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền



Tượng Ấn là: Đao Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा

OM_VAJRA-JAYA SVĀHĀ

72_ Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka):

Chữ chủng tử là: KA (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौ हूं स्वहा

OM_HRĪḤ GAḤ HŪM SVĀHĀ

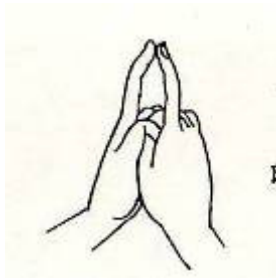
73_ Thủy Thiên (Varuṇa):

Chữ chủng tử là: NA (३)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội. Phần đội trên đầu có Rồng.



Tướng Ấn là: Thủy Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ नमो वज्रं स्वहा

OM_NĀGA-VAJRA SVĀHĀ